Phụ lục 3

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHÓA 8 SAU 01 NĂM TỐT NGHIỆP

(Đính kèm Báo cáo số: 3509 /KH-TĐHHN, ngày 15 tháng 09 năm 2023)

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số SVTN	Số SVTN phản hồi	Số SVTN có việc làm	Tỷ lệ sinh viên có việc làm	Vị trí việc làm				Tình trạng việc làm										Kênh thông tin tìm kiếm việc làm								Khu vực làm việc								Loại hình đơn vị										Mức độ học được kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc						Thời gian có việc làm kể từ khi tốt nghiệp (tháng)	Thu nhập trung bình *(triệu)*
							Quản lý		Nhân viên		Có việc làm						Tiếp tục học		Chưa có việc làm		Báo chí, website		Bạn bè, người thân		Nhà trường, thầy cô		Tự tạo việc làm		Nhà nước		Tư nhân		Có yếu tố nước ngoài		Tự tạo việc làm		Cơ quan nhà nước		Doanh nghiệp nhà nước		Doanh nghiệp tư nhân		Đơn vị, tổ chức có yếu tố nước ngoài		Loại hình khác		Đã học được kiến thức và kỹ năng cần thiết		Học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết		Không học được kiến thức và kỹ năng cần thiết			
											Đúng ngành đào tạo		Liên quan đến ngành đào tạo		Không liên quan đến ngành đào tạo																																										
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	7E+06	Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững	2	2	2	100%	0	0%	2	100%	1	50%	0	0%	1	50%	0	0%	0	0%	1	50%	1	50%	0	0%	0	0%	1	50%	1	50%	0	0%	0	0%	1	50%	0	0%	1	50%	0	0%	0	0%	1	50%	1	50%	0	0%	1	8
2	7E+06	Luật	41	41	36	88%	2	6%	34	94%	4	10%	28	68%	4	10%	4	10%	5	12%	4	11%	3	8%	25	69%	4	11%	5	14%	28	78%	1	3%	2	6%	3	8%	2	6%	27	75%	1	3%	3	8%	7	19%	28	78%	1	3%	4.3	8.9
3	8E+06	Quản lý đất đai	139	130	119	86%	12	10%	107	90%	34	24%	22	16%	63	45%	3	2%	11	8%	39	33%	56	47%	2	2%	22	18%	37	31%	62	52%	0	0%	20	17%	28	24%	9	8%	59	50%	0	0%	23	19%	31	26%	84	71%	4	3%	3.3	7
4	7E+06	Khí tượng và Khí hậu học	12	11	6	50%	0	0%	6	100%	5	42%	1	8%	0.0	0%	0	0%	5	42%	0	0%	6	100%	0	0%	0	0%	6	100%	0	0%	0	0%	0	0%	6	100%	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%	3	50%	2	33%	1	17%	4	3.5
5	7E+06	Thủy văn học	4	4	3	75%	0	0%	3	100%	1	25%	1	25%	1	25%		0%	1	25%	0	0%	2	67%	1	33%	0	0%	2	67%	1	33%	0	0%	0	0%	2	67%	0	0%	1	33%		0%	0	0%	1	33%	2	67%		0%	3	4.3
6	7E+06	Công nghệ thông tin	162	157	149	92%	2	1%	147	99%	63	39%	50	31%	36	22%	0	0%	8	5%	88	59%	51	34%	1	1%	9	6%	5	3%	133	89%	8	5%	3	2%	1	1%	4	3%	132	89%	8	5%	4	3%	58	39%	85	57%	6	4%	1.6	10
7	7E+06	Kế toán	372	338	321	86%	13	4%	308	96%	205	55%	89	24%	27	7%	6	2%	17	5%	141	44%	117	36%	16	5%	47	15%	25	8%	281	88%	11	3%	4	1%	0	0%	24	7%	282	88%	11	3%	4	1%	204	64%	111	35%	6	2%	3.5	7.7
8	7E+06	Quản trị kinh doanh	60	60	53	88%	10	19%	43	81%	27	45%	17	28%	9	15%	3	5%	7	12%	18	34%	17	32%	5	9%	13	25%	5	9%	43	81%	2	4%	3	6%	5	9%	1	2%	46	87%	1	2%	0	0%	26	49%	25	47%	2	4%	2.1	9.9
9	8E+06	Trắc địa bản đồ	7	7	7	100%	0	0%	7	100%	1	14%	3	43%	3	43%	0	0%	0	0%	0	0%	3	43%	1	14%	3	43%	3	43%	3	43%	0	0%	1	14%	2	29%	1	14%	2	29%	0	0%	2	29%	6	86%	1	14%	0	0%	3.2	6.1
10	8E+06	Quản lý tài nguyên và môi trường	107	100	94	88%	3	3%	91	97%	15	14%	48	45%	31	29%	13	12%	6	6%	19	20%	50	53%	10	11%	15	16%	27	29%	62	66%	2	2%	3	3%	26	28%	3	3%	61	65%	2	2%	2	2%	49	52%	44	47%	1	1%	4.2	6.6
11	8E+06	Công nghệ kỹ thuật môi trường	63	60	47	75%	39	83%	8	17%	23	37%	21	33%	3	5%	5	8%	13	21%	9	19%	22	47%	12	26%	4	9%	8	17%	36	77%	3	6%	0	0%	8	17%	2	4%	35	74%	2	4%	0	0%	16	34%	29	62%	2	4%	3.4	8.1
12	8E+06	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	16	16	15	94%	1	7%	14	93%	0	0%	5	31%	10	63%	1	6%	1	6%	1	7%	5	33%	0	0%	9	60%	3	20%	10	67%	1	7%	1	7%	2	13%	1	7%	11	73%	1	7%	0	0%	9	60%	6	40%	0	0%	6.1	8.1
13	8E+06	Quản lý biển	1	1	1	100%	0	0%	1	100%	0	0%	1	100%	0	0%	1	100%	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%	1	100%	0	0%	1	100%	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%	1	100%	0	0%	0	0%	1	100%	0	0%	0	0%	1	10
14	8E+06	Quản lý tài nguyên nước	6	6	5	83%	0	0%	5	100%	1	17%	2	33%	2	33%	0	0%	1	17%	0	0%	4	80%	1	20%	0	0%	2	40%	2	40%	1	20%	0	0%	2	40%	0	0%	2	40%	1	20%	0	0%	2	40%	3	60%	0	0%	3.2	6.4
15	8E+06	Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	234	214	208	89%	54	26%	154	74%	143	61%	37	16%	28	12%	2	1%	6	3%	134	64%	50	24%	9	4%	15	7%	23	11%	158	76%	24	12%	3	1%	10	5%	21	10%	158	76%	18	9%	1	0%	142	68%	62	30%	4	2%	3.7	9.5
16	**Toàn trường**		**1226**	**1147**	**1066**	**87%**	**136**	**13%**	**930**	**87%**	**523**	**43%**	**325**	**27%**	**218**	**18%**	**38**	**3%**	**81**	**7%**	**454**	**43%**	**387**	**36%**	**83**	**8%**	**142**	**13%**	**152**	**14%**	**821**	**77%**	**53**	**5%**	**40**	**4%**	**96**	**9%**	**68**	**6%**	**818**	**77%**	**45**	**4%**	**39**	**4%**	**556**	**52%**	**483**	**45%**	**27**	**3%**	**3.2**	**8.3**